

Như đã nói ở các phần trên, thời tiết và đất đai là yếu tố phức tạp và khó chủ động nhất. Mọi thành công hay thất bại thường gắn liền với hai yếu tố đó. Nhưng phạm vi từ «điềm» là một hợp tác xã, mở ra «điện» là một huyện chẳng hạn, thì thời tiết không thay đổi mấy chút, mà trái lại, tính chất cơ sở đất thay đổi rất nhiều. Do đó, *phải đặc biệt đi sâu vào tính chất đất*, phải nghiên cứu đất cho kỹ về nhiều mặt, trong phạm vi tối đa có thể được, và sau khi đã nghiên cứu kỹ, cần xác định những yếu tố nào là chủ chốt nhất, cấp thiết phải tác động lên nhất, để nhằm tạo cơ sở đất có nhiều khả năng cho được năng suất cao.

Ví dụ : qua nghiên cứu thí nghiệm, ta thấy rằng chất đạm và chất lân trong đất có tương quan với năng suất, rồi đến yếu tố vi lượng, vi sinh vật v.v... cũng tương quan với năng suất, thì phải tác động lên nhiều yếu tố. Nhưng giả thử phát hiện thấy chất mùn là tương quan mạnh mẽ nhất với năng suất, và đất đã có nhiều mùn thì đồng thời có nhiều

đạm, nhiều lân, nhiều vi lượng và vi sinh vật v.v... thì không nhất thiết phải tác động lên cả bốn yếu tố riêng lẻ kia, mà chỉ cần tác động vào yếu tố mùn là đủ. Nghĩa là làm thế nào đưa được tỉ lệ mùn trong đất lên, thì hàm lượng các yếu tố khác được tăng lên.

Như vậy là : *nghiên cứu thì rất sâu, nhưng chỉ đạo lại đơn giản*. Và, người chỉ đạo phải dựa vào kết quả của người nghiên cứu. Vì thế, mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn của ta, chỉ đạo sản xuất bằng thống kê cũng rất cần được bổ sung thêm bằng những kết quả nghiên cứu khoa học.

Và, vì vậy theo í nghĩ của chúng tôi, trong hoàn cảnh đất nước còn có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và cán bộ, đẩy mạnh công tác nông nghiệp bằng cách vừa tiến hành nghiên cứu khoa học trong phạm vi có thể, vừa ứng dụng rộng rãi phương pháp thống kê đơn giản để chỉ đạo sản xuất, kết hợp chặt chẽ các biện pháp tổ chức và chính trị cơ bản là thích hợp nhất và có nhiều khả năng mở rộng được «điềm» ra «điện» nhất.

Những điều kiện và biện pháp kĩ thuật để thực hiện mục tiêu một lao động làm một hecta gieo trồng

MAI VĂN NGHỆ

Hiện nay các hợp tác xã nông nghiệp đang phấn đấu để thực hiện ba mục tiêu lớn trong nông nghiệp : « Một lao động làm một hecta gieo trồng (1) tạo ra được 5 tấn thóc và hai con lợn trong một năm ».

Do áp dụng các biện pháp kĩ thuật thâm canh lúa, kết hợp với việc đưa các giống lúa mới (như nông nghiệp 5, nông nghiệp 8) vào nông nghiệp, trên miền Bắc nước ta đã có hàng nghìn hợp tác xã và hàng chục huyện đã đạt mục tiêu 5 tấn thóc trên một hecta và một số tỉnh đã đạt được mục tiêu này trong phạm vi toàn tỉnh.

Về mục tiêu hai con lợn trên một hecta gieo trồng là một mục tiêu tổng hợp. Phấn đấu thực hiện mục tiêu này, các hợp tác xã phải giải quyết hàng loạt vấn đề khó khăn phức tạp có liên quan đến các lĩnh vực khoa học kĩ thuật, kinh tế và xã hội. Vì vậy, hiện tại, trừ một số hợp tác xã đạt mục tiêu này một cách tự nhiên (2) còn hầu hết các hợp tác xã chưa thực hiện được.

(1) Trong bài xin viết tắt : một lao động làm một hecta gieo trồng — một lao động — một hecta.

(2) Bình quân ruộng đất cho lao động đã đạt mục tiêu,

Vấn đề cần đặt ra là: vì sao các hợp tác xã chưa thực hiện được mục tiêu một lao động một hecta? Các hợp tác xã có khả năng thực hiện được mục tiêu này không? Làm thế nào để thực hiện được mục tiêu này? Nói một cách khác, muốn thực hiện được mục tiêu đó cần phải có những biện pháp cụ thể, thích đáng làm cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo các hợp tác xã tăng nhanh năng suất lao động.

Để thực hiện được mục tiêu một lao động — một hecta, trước tiên là chúng ta phải giải quyết vấn đề phân công lại lao động trong nông nghiệp. Khi nói về ba mục tiêu lớn trong nông nghiệp đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: « Nói một lao động làm một hecta gieo trồng không phải chỉ nói đến việc bảo đảm đủ lao động cho thâm canh nông nghiệp mà là nói đến một sự phân công lao động mới để mở mang nông nghiệp, phát triển công nghiệp và dành một phần lao động cho sản xuất đồ xuất khẩu ».

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ phương hướng mở mang nông nghiệp trên cơ sở phân công lại lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp như sau: « Trong vài ba năm trước mắt, các hợp tác xã phải đẩy mạnh quá trình phân công lao động tại chỗ, làm cho hợp tác xã nào cũng có ngành trồng trọt thâm canh, chuyên canh, ngành chăn nuôi qui mô lớn, các ngành nghề thủ công phát triển ».

Sự phân bố lao động không đều giữa các vùng khác nhau là một đặc điểm quan trọng của nông nghiệp nước ta. Vùng trung du và vùng núi đất canh tác có khả năng rất lớn, nhưng điều kiện canh tác khắc nghiệt cho nên căng thẳng về lao động. Ngược lại, vùng đồng bằng Bắc-bộ binh quân ruộng đất trên đầu người thấp, nhưng điều kiện thâm canh tăng năng suất có nhiều thuận lợi. Vì vậy sử dụng hợp lý sức lao động phong phú ở vùng đồng bằng là một vấn đề hết sức quan trọng.

Có ý kiến cho rằng hiện nay vùng đồng bằng đang thừa ứ lao động và đó là một trong những nguyên nhân làm cho các hợp tác xã chưa thực hiện được mục tiêu một lao động — một ha.

Trong điều kiện, trình độ và yêu cầu sản xuất hiện nay thì lao động nông nghiệp vùng đồng bằng thừa hay thiếu? Đó là một vấn đề lớn cần được nghiên cứu.

Thực tiễn sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bằng cho thấy: những hợp tác xã có binh quân ruộng đất trên 3 sào một đầu người thì nơi đó có tình trạng căng thẳng về lao động, thường không bảo đảm thời vụ, thậm chí có tình trạng bỏ diện tích. Điều đó chứng tỏ năng suất lao động còn thấp, cần có những

biện pháp cấp thiết để tăng nhanh năng suất lao động. Ngay cả ở những hợp tác xã có ngành nghề thủ công phát triển cũng chỉ thừa lao động ngoài thời vụ. Còn trong vụ gieo cấy và thu hoạch vẫn phải huy động mọi khả năng lao động, kể cả lao động đã chuyển sang làm các ngành nghề khác trong phạm vi hợp tác xã. Tính chất thừa lao động tương đối đó là tính cố hữu của lao động nông nghiệp, nó tồn tại ngay trong thời kì đã thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp ở mức độ cao.

Sự thừa ứ lao động ở vùng đồng bằng chỉ là tương đối vì sản xuất nông nghiệp vùng đồng bằng mới chỉ thực hiện được yêu cầu thứ nhất của việc mở mang nông nghiệp — thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Nếu trong nông nghiệp phải thực hiện cả yêu cầu chuyên canh đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính, các hợp tác xã nông nghiệp đều có chăn nuôi qui mô lớn, lại có ngành nghề thủ công phát triển (theo tinh thần của Nghị quyết 19) thì vùng đồng bằng sẽ thiếu lao động nếu không tăng năng suất lao động bằng cách tăng cường công cụ và cơ giới hóa. Mặt khác vùng đồng bằng chưa hoàn thành các công trình kiến thiết cơ bản của hợp tác xã như xây dựng các công trình thủy lợi để bảo đảm chủ động tưới tiêu, xây dựng đồng ruộng để vừa bảo đảm thâm canh vừa bảo đảm yêu cầu tiếp thu cơ giới lớn sau này, xây dựng giao thông nông thôn v.v... Nhưng nhiệm vụ to lớn đó còn đòi hỏi phải đầu tư một số lượng lớn lao động quá khứ trong một vài năm mới có thể hoàn thành được. Vì vậy, trước mắt nông nghiệp (vùng đồng bằng) chỉ có thể phân công lao động tại chỗ để từng bước tạo ra một thể mới về năng suất lao động, trên cơ sở đó mới có thể rút bớt lao động vùng đồng bằng đưa lên miền núi xây dựng vùng kinh tế mới, và đưa lao động nông nghiệp sang phục vụ các ngành khác.

Rõ ràng, không phải do nguyên nhân thừa lao động làm cho các hợp tác xã nông nghiệp chưa thực hiện được mục tiêu một lao động — một hecta mà vấn đề cơ bản là phải tạo ra được các điều kiện nhất định và có các biện pháp thích đáng giúp các hợp tác xã nông nghiệp phấn đấu thực hiện mục tiêu này.

I — NHỮNG ĐIỀU KIỆN TỐI THIỂU ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU MỘT LAO ĐỘNG LÀM MỘT HECTA GIEO TRỒNG

Năng suất lao động trong nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Đối với mỗi mức

năng suất lao động đòi hỏi phải có một cơ sở vật chất, kĩ thuật và trình độ quản lí tương ứng, biểu hiện trên các mặt chủ yếu như sự ổn định của đất đai, cây trồng: mức độ trang bị công cụ máy móc để thay thế cho lao động thủ công; trình độ tổ chức quản lí lao động; khả năng khoa học kĩ thuật và các chế độ chính sách khác.

Trong hoàn cảnh miền Bắc nước ta hiện nay, muốn nâng cao năng suất lao động nông nghiệp để thực hiện được mục tiêu một lao động một hecta, trước hết các hợp tác xã nông nghiệp phải tạo ra những điều kiện cơ bản, tối thiểu ban đầu sau đây:

1) Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật ban đầu:

Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho nông nghiệp là một quá trình phấn đấu lâu dài nhưng trước những yêu cầu của sản xuất hiện tại các hợp tác xã nông nghiệp phải hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản dưới đây:

-- Xây dựng được hệ thống thủy lợi mặt ruộng kết hợp với việc xây dựng đồng ruộng để bảo đảm yêu cầu thâm canh tăng năng suất cây trồng, giảm bớt chi phí lao động trong khâu tưới tiêu, nhất là vấn đề bảo đảm thời vụ khi xảy ra hạn úng. Nhiệm vụ xây dựng thủy lợi đòi hỏi phải đầu tư một số lượng lao động quá khứ khá lớn, nhưng hợp tác xã biết tổ chức lao động có thể hoàn thành thủy lợi trong một thời gian ngắn. Hợp tác xã Trác-bút huyện Duy-tiên — Nam-hà mới huy động mỗi lao động chính 50 ngày công/một năm thể mà trong hai năm 1966-1967 đã căn bản hoàn thành hệ thống thủy lợi của hợp tác xã, đồng thời xây dựng lại đồng ruộng theo yêu cầu của cơ giới hóa lớn sau này.

— Có đủ các loại công cụ thường, công cụ cải tiến và cơ khí nhỏ cần thiết, để phục vụ cho các khâu canh tác chủ yếu của hợp tác xã. Trong khi trang bị công cụ máy móc cho các hợp tác xã vấn đề mấu chốt không phải là nhiều mà phải là đủ và tốt.

— Đồng bộ hóa việc trang bị kĩ thuật: trong yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật, ngoài hai vấn đề trên cần phải có cơ sở phân bổ vững chắc, có những xây dựng cơ bản tối thiểu như nhà kho, sân phơi, nơi để công cụ máy móc, đường vận chuyển trong hợp tác xã phải được củng cố tốt v.v...

2) Xác định phương hướng sản xuất ổn định:

Sự ổn định về phương hướng sản xuất có tầm quan trọng rất lớn. Không ổn định về phương hướng sản xuất sẽ dẫn đến tình trạng

không ổn định về ruộng đất, về sự bố trí phân công lao động và công cụ sản xuất. Do đó, không thể có năng suất lao động cao được.

Đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở vùng đồng bằng thì trồng trọt và chăn nuôi chủ yếu là lúa và lợn, nhưng trong điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã không phải chỉ có sản xuất lúa và phát triển nuôi lợn mà còn phải phát triển các loại cây trồng và con gia súc khác để giải quyết yêu cầu tự cấp tự túc trong giai đoạn trước mắt.

Khi xác định phương hướng sản xuất không những các hợp tác xã phải bảo đảm các yêu cầu về «thâm canh» và «chuyên canh» mà còn phải kết hợp với phương hướng sản xuất chủ yếu của toàn vùng (phạm vi huyện).

3) Xây dựng chế độ canh tác hợp lí cho từng cây trồng:

Chế độ canh tác cho các cây trồng chủ yếu hiện nay đặc biệt là đối với lúa, được xây dựng trên cơ sở sinh lí, sinh thái của cây trồng nhằm đạt được năng suất cây trồng cao nhất mà chưa xuất phát từ yêu cầu về chi phí lao động. Vì vậy, ở vùng trọng điền lúa trong khi các điều kiện sản xuất không khác nhau lắm, những đề đạt được mục tiêu 5 tấn thóc trên một hecta gieo trồng thì chi phí lao động lại có sự chênh lệch rất lớn. Ví dụ: đội 9 hợp tác xã Giao-an (huyện Xuân-thủy — Nam-hà) sản xuất một hecta lúa mùa chỉ hết 150 ngày công/một ha một vụ, ngược lại hợp tác xã Vũ-lương (huyện Duy-tiên — Nam-hà) chi phí hết 400 ngày công/ha một vụ. Điều đó nói lên rằng các chế độ canh tác cho các cây trồng hiện tại chưa hợp lí về mặt đầu tư lao động sống. Vì vậy khi xác định qui luật canh tác cho cây trồng, ngoài bảo đảm các yêu cầu về chọn giống, thủy lợi, phân bón v. v... còn phải bố trí số lao động và công cụ cho từng khâu canh tác và hạch toán chi phí lao động trên một hecta gieo trồng. Đồng thời còn phải lựa chọn các phương pháp canh tác tiên tiến nhất, đưa vào sản xuất các tiến bộ khoa học kĩ thuật mới có thể đạt được năng suất lao động và năng suất cây trồng cao nhất.

4) Cán bộ hợp tác xã phải nâng cao trình độ về mặt quản lí kinh tế, trước hết là quản lí lao động và tổ chức sản xuất:

Vấn đề trình độ quản lí kinh tế của cán bộ hợp tác xã là một khâu yếu hiện nay. Kinh nghiệm rút ra từ các hợp tác xã tiên tiến cho thấy, hợp tác xã nào cán bộ biết tính toán kinh tế, biết cách tổ chức và chỉ đạo sản xuất thì phong trào sản xuất ở đó lên cao, năng suất cây trồng và gia súc tăng lên rõ rệt, đời sống xã viên được cải thiện. Rõ ràng vai trò

và trình độ cán bộ trong giai đoạn hiện tại có tác dụng quyết định sự tiến bộ của hợp tác xã.

Việc nâng cao trình độ quản lý kinh tế cho cán bộ các hợp tác xã là một vấn đề vô cùng cấp thiết và cũng là vấn đề lâu dài, nhưng vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay có tác dụng tạo ra khả năng tăng năng suất lao động đó là vấn đề quản lý lao động và tổ chức sản xuất. Những hình thức tốt cần được nghiên cứu áp dụng là :

— Trong hợp tác xã phải xây dựng được các tổ đội sản xuất chuyên trách.

— Xây dựng các định mức lao động cho các khâu sản xuất chủ yếu của hợp tác xã nhất là ba khâu cấy trồng lao động : cày bừa, cấy, gặt.

— Sử dụng hợp lý số lao động dôi ra bằng cách tổ chức các ngành nghề phụ phục vụ ngay cho hợp tác xã.

5) Có chế độ công điểm công bằng hợp lý :

Chế độ công điểm là một chính sách của nội bộ hợp tác xã. Chế độ công điểm hợp lý không những động viên được nhiệt tình lao động của xã viên, làm cho năng suất lao động không ngừng nâng cao mà còn thiết thực nâng cao thu nhập của xã viên.

Chế độ công điểm thực chất là chế độ lương sản phẩm. Vì vậy muốn đánh giá được khả năng lao động của từng người phải đi từ phân loại lao động, xếp bậc định mức cho từng khâu công việc, căn cứ vào số điểm đạt được để phân phối sản phẩm.

Trong nông nghiệp muốn xếp bậc định mức hợp lý phải đồng thời căn cứ vào bốn tính chất của công việc : tầm quan trọng, mức độ nặng nhọc, yêu cầu kỹ thuật và tính chất độc hại.

Các hợp tác xã tổ chức sản xuất tốt hiện nay, trên cơ sở xây dựng các tổ, đội chuyên trách, lao động dưới hình thức khoán việc cho từng nhóm nhỏ, đã xây dựng được hàng trăm định mức khác nhau, dần dần « công nghiệp hóa » việc tổ chức sản xuất, thông qua đó vừa quản lý được lao động vừa quản lý được kỹ thuật sản xuất.

Tất nhiên với chế độ kinh tế tập thể, những hợp tác xã chưa có khả năng giải quyết những bất hợp lý trong các khâu lao động đặc biệt : đội thủy lợi chuyên trách làm việc trong những điều kiện khá nặng nhọc, cần được bồi dưỡng thêm trong những ngày làm việc nhất là làm việc ban đêm, và được cấp phát các dụng cụ phục vụ cho công tác như quần áo bảo hộ lao động, ủng đi mưa, áo mưa v.v... Công nhân rèn nguội trong các đội công cụ — cơ khí của hợp tác xã làm việc trong điều kiện

khó khăn hơn công nhân rèn nguội trong các nhà máy (công nghiệp) nhưng chế độ cấp phát về quần áo bảo hộ lao động, găng tay, xà phòng v.v... đều chưa được giải quyết. Vì vậy trong khi Nhà nước chưa có chính sách chung về các vấn đề trên, các hợp tác xã phải có chế độ công điểm thích đáng để động viên khuyến khích họ.

II — NHỮNG BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU MỘT LAO ĐỘNG LÀM MỘT HECTA GIEO TRỒNG

Thực hiện mục tiêu : một lao động — một hecta phải đồng thời giải quyết hàng loạt vấn đề kinh tế và kỹ thuật phức tạp, chủ yếu là :

— vấn đề trang bị và sử dụng hệ thống công cụ — cơ khí trong các hợp tác xã nông nghiệp ;
— vấn đề cơ cấu cây trồng hợp lý và ổn định ;

— vấn đề xây dựng các qui trình kỹ thuật trên cơ sở định mức lao động v.v...

Dưới đây xin đề cập đến những vấn đề khoa học kỹ thuật liên quan đến việc thực hiện mục tiêu trên.

1) Vấn đề tổ chức trang bị và sử dụng công cụ — cơ khí trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Có công cụ lao động tốt là biện pháp hàng đầu để tăng năng suất lao động. Căn cứ vào tình hình của các hợp tác xã hiện tại cần phải giải quyết hai vấn đề :

. Phương hướng và mức độ trang bị.

. Tổ chức sử dụng tốt những trang bị đó.

— Về phương hướng và mức độ trang bị :

Các hợp tác xã cần phải trang bị lại hệ thống công cụ và cơ khí tĩnh tại thiết yếu với yêu cầu : đúng đối tượng, đủ kiểu loại và số lượng, chất lượng chế tạo tốt. Điều kiện kinh tế hiện tại chưa cho phép trang bị hệ thống công cụ — cơ khí hoàn chỉnh và không cần thiết trang bị nhiều vì giá thành sản phẩm tỉ lệ thuận với mức tăng trang bị. Do đó, giải quyết tốt vấn đề phương hướng và mức độ trang bị có tầm quan trọng đặc biệt.

Đối với những công cụ máy móc đã trang bị cần tiến hành « ba hóa » sau đây :

Tiêu chuẩn hóa các công cụ máy móc chủ yếu hiện tại nông nghiệp đang cần như máy xay xát gạo, máy tuốt lúa, máy thái nghiền thức ăn gia súc, xe cải tiến, cào cỏ, liềm cắt, liềm xén v.v... Xây dựng qui chế tiêu chuẩn hóa đối với các công cụ trang bị cho nông nghiệp.

Khu vực hóa công cụ sản xuất dùng trong nông nghiệp, nhất là công cụ thường và công cụ cải tiến mang tính chất địa phương rõ rệt. Vì vậy không thể tạo ra một loại công cụ phù hợp với tất cả các vùng khác nhau mà phải dựa vào điều kiện đất đai, cây trồng, khí hậu và tập quán canh tác của từng vùng (huyện) để khảo nghiệm chọn ra các

công cụ phù hợp với yêu cầu địa phương.

Hệ thống hóa. Xác định hệ thống công cụ phục vụ cho từng cây trồng và con gia súc chính trên cơ sở các công cụ đã được khu vực hóa và tiêu chuẩn hóa, trước mắt cần có hệ thống công cụ phục vụ cho cây lúa và con lợn (xem bảng 1).

Bảng 1 : Định mức trang bị công cụ và sức kéo cho một hợp tác xã vùng lúa

Thứ tự	Khâu	Công việc	Loại công việc	Đơn vị	Định mức diện tích cho một công cụ			Ghi chú
					Vùng vùn	Vùng trũng	Vùng ven biển	
1	Động lực và sức kéo		Trâu bò cày	ha/con	1,9	1,4	2,2	) đối với HTX) có điện) HTX không) có điện
			Động lực					
			— Động cơ điện 2,8 và 10 kW	ha/cái	150	150	150	
			— Động cơ điện 7 kW	ha/cái	75	75	75	
			— Máy nổ S 320 hoặc 2D—20	ha/cái	75	75	75	
			— Công nông — 7 — 5	ha/cái	150	150	150	
2	Làm đất	Cày Bừa	Cày 51 và 58	ha/cái	2,7	2	3,1	Vùng biên dùng cày mo bằng số trâu bò
			Bừa chữ nhĩ	ha/cái	1,9	1,4	2,2	
3	Gieo cấy		Thủ công					
4	Chăm sóc	Làm phân	Cào rãnh sắt	hộ/cái				
		Tưới nước	Bơm DE250 hoặc DE250A	ha/cái	75	75	75	
			Gàu tát nước	nt	3	3	3	
		Làm cỏ	Cào 64 C	nt	7,5	7,5	7,5	
5	Thu hoạch	Trừ sâu	Bơm BN64 hoặc « Con gà » Trung-quốc	nt	14	14	14	
		Cắt lúa	Liềm cắt	1 lao động/1				
		Xén lúa	Liềm xén	cái	4	4	4	
		Vận chuyển	Xe cải tiến và thuyền	ha/cái	3	3	3	
		Tuốt đập	Máy đập + máy làm sạch hoặc trục lặn + quạt hòm	ha/cái	75	75	75	
6	Chăn nuôi	Xát gạo	Máy xay xát	ha/cái	150	150	150	
		Nghiền bột	Máy nghiền	nt	150	150	150	
		Thái rau	Máy thái hoặc máy thái trộn	ha/cái	150	150	150	

Bảng 2

Nơi thí nghiệm	Tình trạng lúa	Phương pháp gặt	Số khóm trong một chét tay	Thời gian cắt một khóm lúa (giây)	Năng suất	
					m ² / ngày	%
HTX Tân-phú (Thanh-oai Hà-tây)	Lúa Mộc tuyền đồ khum một chiều	tự do	15,7	0,69	720	100
		chia ô	15,0	0,62	848	117,5
HTX Lê Hồng Phong (Thường-tín Hà-tây)	Lúa Mộc tuyền đồ khum một chiều	tự do	13,6	0,66	549	100
		chia ô	14,5	0,65	714	130

Để có được hệ thống công cụ hoàn chỉnh, phục vụ cho một số cây trồng chính cần phải tiến hành nghiên cứu để bổ sung một số công cụ mới cho một số khâu canh tác đang đòi hỏi nhiều lao động như công cụ cho bèo hoa dâu, công cụ chế biến đay, công cụ chế biến cói và công cụ chế biến hoa màu (khoai, sắn) v.v...

— Vấn đề tổ chức, sử dụng :

Vấn đề chưa sử dụng hết công suất của hệ thống công cụ máy móc đã trang bị cho các hợp tác xã nông nghiệp là một tồn tại lớn hiện nay. Nguyên nhân chủ yếu là do tổ chức, sử dụng chưa tốt.

Muốn giải quyết tốt vấn đề sử dụng có hiệu quả hệ thống công cụ máy móc hiện có cần đào tạo một đội ngũ công nhân (xã viên cơ khí) có trình độ tay nghề nhất định. Vấn đề này phải có sự giúp đỡ tích cực của các trạm máy kéo huyện, đồng thời chấn chỉnh lại chế độ quản lý-chỉ đạo sử dụng của các cơ quan chủ quản từ trung ương đến địa phương, tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo của cấp huyện.

Để nâng cao hiệu suất sử dụng của công cụ máy móc không những phải có qui trình kỹ thuật để hướng dẫn sử dụng mà còn phải tiếp tục nghiên cứu các thao tác mới nhằm thay đổi các tập quán cũ tăng năng suất lao động. Trước mắt cần tập trung vào các khâu cày, bừa, cấy, gặt. Ví dụ : phương pháp cắt lúa chia ô vuông so với gặt tự do tăng năng suất lao động 17—30% (xem bảng 2).

2. Xác định cơ cấu cây trồng hợp lý và ổn định.

Đối tượng chủ yếu của nông nghiệp là cây

trồng và con gia súc. Cho nên nghiên cứu về tăng năng suất lao động trong nông nghiệp cũng không thể tách rời hai đối tượng đó.

Cơ cấu cây trồng hợp lý là một vấn đề lớn đang được nghiên cứu, thảo luận sôi nổi trong ngành nông nghiệp. Trong phạm vi toàn quốc, vấn đề phân vùng nông nghiệp chưa làm xong, cho nên vấn đề cơ cấu cây-con cụ thể cho từng vùng lớn chưa thể xác định được, nhưng riêng đối với vùng trọng điểm lúa ở đồng bằng, cây trồng chủ yếu là cây lúa. Cần phải xác định cơ cấu cụ thể hợp lý nhất, bảo đảm sử dụng hết khả năng lao động hiện có trên cơ sở bảo đảm tổng sản lượng.

Để bảo đảm những yêu cầu trên cần giải quyết hai vấn đề chủ yếu sau :

Vấn đề rải vụ lúa : Thời vụ cấy thẳng nhất trong nông nghiệp là gieo cấy và thu hoạch. Rải vụ hợp lý sẽ giảm được độ căng thẳng lao động trong thời vụ để bảo đảm yêu cầu thâm canh trên toàn bộ diện tích đồng thời có khả năng sử dụng lao động (tổng số) ít nhất.

Đối với ba vụ lúa chủ yếu : xuân, chiêm và mùa cần xác định tỉ lệ thích đáng cho từng vùng, từng hợp tác xã. Muốn vậy phải định rõ :

— Vai trò của lúa chiêm trong cơ cấu cây lúa của Việt-nam.

— Tỉ lệ hợp lý giữa lúa xuân và lúa chiêm trong vụ đông xuân đối với các vùng tính chất đất phức tạp (đất chiêm trũng, độ chua lớn và đất mặn v.v...).

— Khả năng phát triển các giống lúa mùa sớm, lúa mùa muộn.

— Khả năng phát triển lúa mì trong điều kiện thời tiết miền Bắc nước ta.

Xác định tỉ lệ hợp lý giữa các giống lúa và các vụ lúa nói trên sẽ giảm bớt căng thẳng

lao động trong thời vụ, có điều kiện bố trí lao động hợp lý để phát triển nông nghiệp toàn diện với năng suất lao động cao.

+ *Vấn đề tăng vụ*: Đối với vùng đồng bằng tăng vụ có ý nghĩa quan trọng vì:

— Bình quân ruộng đất trên đầu người rất thấp. Do đó trong khi chăn nuôi chưa phát triển, ngành nghề thủ công chưa thu hút hết lao động dôi ra thì tăng vụ (nghĩa là tăng diện tích canh tác) sẽ thực hiện được sự cân bằng giữa lực lượng lao động và diện tích.

— Khi nông nghiệp chưa thực hiện được việc đưa bớt lao động vùng đồng bằng lên khai hoang vùng núi thì tăng vụ là biện pháp tích cực để tiến hành phân công lao động tại chỗ.

Về khả năng tăng vụ thì: hiện tại chỉ số

tăng vụ vùng đồng bằng mới chỉ đạt 1,7 — 18 như thế một năm chưa bảo đảm trồng cấy, được hai vụ trên hầu hết diện tích canh tác. Nếu phấn đấu đưa chỉ số tăng vụ lên từ 2,5 đến 3 thì vùng đồng bằng có thêm hàng vạn hecta gieo trồng trong một năm.

Đó là một vấn đề rất có ý nghĩa. Căn cứ vào khả năng lao động sẵn có của vùng đồng bằng và phát huy các ưu thế luân canh hiện tại, vấn đề tăng vụ hoàn toàn có khả năng thực hiện.

3) *Xây dựng các qui trình canh tác hợp lý với mức chi phí lao động 200 — 250 ngày công/một hecta một vụ*:

Trừ các cây công nghiệp như đay, cói, lạc v.v... còn các cây lương thực, thực phẩm khác thì lúa là cây trồng có mức chi phí lao động

BẢNG 3: *Định mức chi phí lao động cho 1 hecta lúa xuân ở các vùng khác nhau.*

Thứ tự	Khâu	Công việc	Công cụ và sức kéo	Vùng ven biển	Vùng vùn	Vùng trũng	Ghi chú	
				(ngày công/ha)				
1	Làm đất	— Cày	Trâu, bò, cày 51, 58 và cày mo	10	12,0	13	Cày mo chỉ dùng cho vùng ven biển	
		— Bừa	Bừa chữ nhĩ	16	18,0	34		
		— Làm bờ cước góc	Dao, cước	5	3	3		
2	Làm mạ		nt	8	12,0	12		
3	Gieo cấy	— Nhổ mạ	Thủ công	23	28	35		
		— Cấy (ngửa tay)	Cọc + dây cấy	14	14	14		
4	Chăm sóc	— Bón phân	Cào răng + xe, thuyền	24	24	24		
		— Làm cỏ	Cào 64C	16	14	16		
		— Tưới, tiêu nước	Máy bơm	3	7	7		
		— Trừ sâu	Bơm tay hoặc động cơ	6	6	6		
5	Thu hoạch	— Cắt gặt	Liềm cắt + liềm xén	25	25	25		
		— Vận chuyển	Xe cải tiến	10	10	10		
		— Tuốt — Đập	Máy đập	5	5	5		
		— Phơi — Quạt	Quạt tròn	4	4	4		
6	Phân xanh (bèo dâu)	— Chăm sóc bèo	Thủ công	13	13	13		
		— Vùi bèo		6	6	6		
		Tổng chi phí lao động			188	201	227	

cao. Nếu lấy định mức lao động để sản xuất một hecta lúa làm tiêu chuẩn, các cây trồng khác dùng hệ số qui đổi thích hợp để qui ra lúa thì có thể xác định mức chi phí lao động cho một hecta gieo trồng như sau:

— Căn cứ vào số ngày công của một lao động chính trong hợp tác xã có thể làm được trong một năm. Với trình độ quản lý lao động của các hợp tác xã hiện nay mức trung bình có thể đạt được là 200 — 250 ngày công/một lao động một năm.

— Tiêu chuẩn để xác định mức chi phí lao động cho một hecta gieo trồng là: lấy giống lúa có mức chi phí lao động cao nhất (lúa xuân) trồng cấy ở những vùng có điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn nhất (vùng chiêm trũng).

Dựa vào khả năng trên, thực tiễn ta có thể xây dựng được qui trình trồng lúa với mức chi phí như sau (xem bảng 3)

Ở những vùng có đủ điều kiện, có thể áp dụng một số phương pháp canh tác mới, có khả năng tăng năng suất lao động cao như thay cây bằng gieo thẳng, dùng nước không chế để giảm bớt số lần làm cỏ hoặc không làm cỏ (vùng chủ động thủy lợi), bón phân (lót) một lần thay cho bón phân nhiều lần v.v... thì mức chi phí lao động cho một hecta lúa sẽ còn giảm đi nhiều.

..

Những biện pháp kỹ thuật đề ra trên đây, dựa trên cơ sở thực tiễn sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp. Các chỉ tiêu cụ thể về định mức công cụ, chi phí lao động... đều là mức trung bình tiên tiến. Những hợp tác xã nông nghiệp với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện nay nếu tăng cường được công tác quản lý kinh tế, chỉ đạo sản xuất, tổ chức lao động hợp lý thì hoàn toàn có đủ khả năng thực hiện mục tiêu một lao động làm một hecta gieo trồng. Tất nhiên, thực hiện mục tiêu trên đồng thời với việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật còn phải giải quyết những vấn đề kinh tế và xã hội liên quan mà ở trên chưa đề cập tới.

Phần đầu thực hiện mục tiêu một lao động làm một hecta gieo trồng một cách phổ biến thực tế còn gặp những khó khăn nhất định, đặc biệt là các hợp tác xã qui mô còn quá nhỏ.

Những biện pháp nêu ra trên đây là những biện pháp cơ bản nhất. Tất nhiên trong quá trình phần đầu thực hiện mục tiêu một lao động — một hecta, các hợp tác xã phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để vận dụng cho phù hợp, đồng thời không ngừng bổ sung cho các biện pháp ngày càng đầy đủ và hoàn chỉnh hơn.

VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA TIÊU CHUẨN HÓA TRONG NGÀNH CƠ KHÍ

HOÀNG MẠNH TUẤN

« Nội dung chính của cuộc cách mạng kỹ thuật của chúng ta là chuyển toàn bộ nền sản xuất xã hội bằng lao động thủ công hiện nay thành nền đại sản xuất cơ khí hóa, là trang bị lại tất cả các ngành kinh tế quốc dân bằng kỹ thuật mới » (1).

Trong quá trình tiến hành cuộc cách mạng kỹ thuật đó, chúng ta đứng trước một vấn đề rất lớn cần phải giải quyết là mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao năng suất lao

(1) Lê Duẩn. Tạp chí « Học tập » số 5—1967.